

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2007/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT**Về việc ban hành phí sử dụng cảng cá và khu neo đậu
trú bão tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1940/TTr-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành phí sử dụng cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí ban hành phí sử dụng cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Đối tượng nộp phí

a. Các tổ chức, cá nhân có các loại phương tiện gồm: Tàu thuyền khai thác thủy sản, tàu thuyền vận tải hàng hóa và các phương tiện vận tải khác khi vào khu vực cảng cá để làm dịch vụ, kinh doanh mua bán, tiếp nhận vật tư, nhiên liệu, vận chuyển hành khách, hàng hóa và các hoạt động khác theo quy định của Nhà nước.

b. Các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế có sử dụng mặt bằng cảng, bến, bãi trong khu vực cảng cá để hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đối tượng tính phí

a. Phương tiện vận tải ra vào; tàu thuyền cập cảng, neo đậu; lưu bến, mặt nước trong khu vực cảng.

b. Hàng hóa, vật tư qua cảng.

c. Các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trong khu vực cảng (trong trường hợp Nhà nước chưa cho thuê đất để sử dụng các khu dịch vụ).

3. Đơn vị thu phí

Ban Quản lý các cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Quảng Ngãi, UBND huyện, thành phố và các đơn vị được cấp có thẩm quyền giao quản lý, khai thác các cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mức thu phí

4.1. Phương tiện vận tải ra, vào cảng; tàu thuyền cập cảng và neo đậu:

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
a	Đối với phương tiện vận tải, mức thu cho 01 lần vào, ra cảng		
-	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	đồng	1.000
-	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	đồng	4.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	đồng	8.000
-	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	đồng	12.000
-	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	đồng	16.000
-	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	đồng	20.000
b	Tàu thuyền đánh cá cập cảng, cho 01 lần vào, ra cảng		
-	Có công suất từ 6 đến 12CV	đồng	4.000
-	Có công suất từ 13 đến 30CV	đồng	8.000
-	Có công suất từ 31 đến 90CV	đồng	16.000
-	Có công suất từ 91 đến 200CV	đồng	24.000
-	Có công suất lớn hơn 200CV	đồng	40.000
c	Tàu thuyền vận tải cập cảng, cho 01 lần vào, ra cảng		
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	đồng	10.000
-	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	đồng	20.000
-	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	đồng	50.000
-	Có trọng tải trên 100 tấn	đồng	80.000
d	Tàu thuyền đánh cá neo tại công trình buộc tàu (ngày, đêm)		
-	Có công suất từ 6 đến 12CV	đồng	5.000
-	Có công suất từ 13 đến 30CV	đồng	10.000
-	Có công suất từ 31 đến 90CV	đồng	20.000
-	Có công suất từ 91 đến 200CV	đồng	30.000

-	Có công suất lớn hơn 200CV	đồng	50.000
e	Tàu thuyền đánh cá neo đậu trong khu vực cảng cá nhưng không có công trình buộc tàu, thuyền (ngày, đêm)		
-	Có công suất từ 6 đến 12CV	đồng	4.000
-	Có công suất từ 13 đến 30CV	đồng	8.000
-	Có công suất từ 31 đến 90CV	đồng	16.000
-	CÚ CỤNG SUẤT TỪ 91 ÉN 200CV	đồng	24.000
-	Có công suất lớn hơn 200CV	đồng	40.000

4.2. Đối với hàng hóa qua cảng:

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
a	Hàng thủy, hải sản, động vật sống	đồng/tấn	5.000
b	Các loại hàng hóa khác	đồng/tấn	2.000

4.3. Sử dụng bến, bãi trong khu vực cảng cá (trong trường hợp Nhà nước chưa cho thuê đất để sử dụng các khu dịch vụ):

Mức thu tối đa một năm bằng đơn giá thuê mặt đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc không quá 3% doanh thu thu từ việc sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân được phép sử dụng bến, bãi, vào sản xuất, kinh doanh.

5. Đối tượng miễn, giảm thu phí

5.1. Đối tượng miễn thu phí:

a. Các đơn vị làm nhiệm vụ công vụ như: Biên phòng, quân đội, công an, cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cứu hộ, cứu nạn...

b. Mọi đối tượng neo đậu trong thời gian có bão, lũ.

5.2 Đối tượng giảm thu phí:

a. Đối với các phương tiện quy định ở tiết a, b và c điểm 4.1 khoản 4 Điều này có nhu cầu sử dụng cảng, nộp phí theo tháng, quý, năm thì mức thu phí được tính giảm, cụ thể như sau:

- Nộp phí theo tháng (nộp vào đầu tháng) được giảm 5% so với mức thu theo từng lần vào, ra cảng.

- Nộp phí theo quý (nộp vào đầu quý) được giảm 10% so với mức thu theo từng lần vào, ra cảng.

- Nộp phí theo năm (nộp vào đầu năm) được giảm 15% so với mức thu theo từng lần vào, ra cảng.

b. Đối với tàu thuyền neo trú quy định ở tiết d và e điểm 4.1 khoản 4 Điều này neo trú từ ngày thứ 2 trở lên được giảm 50% mức thu theo quy định.

6. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được

- Đơn vị thu phí được để lại 100% trên tổng số tiền phí thu được để chi cho việc tổ chức thu phí theo quy định hiện hành của Nhà nước. Khi nguồn thu lớn hơn chi, Ban quản lý các cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Quảng Ngãi phải xây dựng lại tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại và tỷ lệ trích nộp Ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đơn vị thu phí phải thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước về phí, lệ phí.

7. Quy định này được áp dụng cho các cảng và khu neo đậu tàu thuyền khác có chức năng tương đương trong tỉnh.

8. Thời điểm thực hiện: Từ ngày 01/8/2007.

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 13/7/2007.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toàn